

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Dược học; Chuyên ngành: Công nghệ Dược phẩm và Bào chế thuốc

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: TRẦN THỊ HẢI YẾN

2. Ngày tháng năm sinh: 23/04/1982; Nam; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã Tiến Thắng, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Đại Đồng, xã Đại Mạch, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Bào chế, Trường Đại học Dược Hà Nội, 13-15 Lê Thánh Tông, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại di động: 0983674774;

E-mail: yentth@hup.edu.vn; tranyendhd@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 01/2011 đến tháng 04/2012: giảng viên tập sự tại Bộ môn Bào chế, Trường Đại học Dược Hà Nội.

Từ tháng 05/2012 đến nay: Giảng viên tại Bộ môn Bào chế, Trường Đại học Dược Hà Nội.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường đại học Dược Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: 13 -15 Lê Thánh Tông, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 0243.826.49.90

8. Đã nghỉ hưu: Chưa

9. Trình độ đào tạo:

Được cấp bằng Đại học ngày 14 tháng 06 năm 2007; số văn bằng: ДИС 00284482; ngành: Dược học; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Học viện Y khoa Matxcova mang tên I. M. Sechenov, Liên Bang Nga

Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 03 tháng 12 năm 2010; số văn bằng: ДКН 123928; ngành: Dược học; chuyên ngành: Công nghệ dược phẩm và Bào chế thuốc; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Y khoa số 1 Matxcova mang tên I.M. Sechenov, Liên Bang Nga

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS : Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HDGS cơ sở:

Trường Đại học Dược Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HDGS ngành: Dược học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Các hệ vi tiểu phân dùng đường tiêm:

Nghiên cứu bào chế hệ nano liposome hướng đích, phức hợp lipid mang các dược chất độc tế bào để tăng hiệu quả điều trị và giảm tác dụng không mong muốn. Vi cầu phân hủy sinh học chứa dược chất hormon được nghiên cứu bào chế với mục đích giải phóng kéo dài. Phương pháp vi lưu dược nghiên cứu ứng dụng bào chế một số hệ phân phối thuốc vi tiểu phân để kiểm soát kích thước tiểu phân.

- Các hệ phân phối thuốc/ mang thuốc dùng đường tiêu hóa:

Nghiên cứu bào chế hệ liposome, proliposome, nano tự nhũ hóa, micell, hệ phân tán rắn, miếng dán niêm mạc miệng để tăng độ tan, cải thiện hấp thu thuốc qua đường tiêu hóa cho dược chất có sinh khả dụng đường uống thấp, giảm chuyển hóa qua gan lần đầu. Với mục đích giải phóng kéo dài dược chất, giảm số lần sử dụng thuốc, hệ tiểu phân nano polyme, viên nén/pellet giải phóng kéo dài được nghiên cứu.

- Các hệ vi tiểu phân, mỹ phẩm dùng trên da:

Nghiên cứu bào chế hệ nano niosome và phytosome, vi nhũ tương mang các dược chất có nguồn gốc dược liệu, các dược chất giảm đau không steroid để cải thiện hấp thu thuốc qua da. Emulgel, hỗn nhũ tương được nghiên cứu làm mỹ phẩm dùng trên da.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 05 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 02 đề tài cấp cơ sở;
- Đã công bố 49 bài báo/báo cáo khoa học, trong đó 12 bài báo/báo cáo khoa học quốc tế;
- Đã được cấp 01 bằng độc quyền sáng chế;
- Số lượng sách đã xuất bản: 01 thuộc nhà xuất bản có uy tín (Nhà xuất bản Y học);

15. Khen thưởng:

- Huy chương vàng do đạt thành tích học tập xuất sắc do Học viện Y khoa Matxcova mang tên I.M. Sechenov cấp
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2019-2020

16. Kỷ luật: không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Tôi tự nhận thấy bản thân đạt được các yêu cầu sau về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo theo tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư tại quyết định số 37/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 31 tháng 8 năm 2018 “*Ban hành quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; thủ tục xét hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư*”:

Không vi phạm đạo đức nhà giáo, không đang trong thời gian bị kỷ luật dưới bất kỳ hình thức nào; trung thực, khách quan trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác.

Đã có bằng Tiến sĩ từ năm 2010, đủ 03 năm trở lên theo quy định ở khoản 2 điều 6 của quyết định 37/2018/QĐ-TTg.

Đã tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên liên tục 10 năm học từ năm học 2011 – 2012 đến nay tại trường Đại học Dược Hà Nội, đạt yêu cầu khoản 3 điều 6 của quyết định 37/2018/QĐ-TTg.

Hoàn thành nhiệm vụ được giao, thực hiện đủ và vượt số giờ giảng chuẩn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trong tất cả các năm học từ 2011 – 2012 đến năm học 2020 – 2021; thông tin cụ thể về số giờ giảng đã thực hiện của 6 năm học từ 2015-2016 đến 2020 - 2021 được trình bày ở mục 2 của bản đăng ký này (có minh chứng xác nhận của Trường Đại học Dược Hà Nội trong hồ sơ kèm theo).

Sử dụng thành thạo tiếng Nga phục vụ công tác chuyên môn và tiếng Anh giao tiếp đạt tiêu chuẩn khoản 4, điều 4 của quyết định 37/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ.

Công bố kết quả nghiên cứu khoa học: Là tác giả chính (first author) của 05 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế uy tín được đăng sau khi được cấp bằng Tiến sĩ, và tác giả của 01 bằng sáng chế, đạt yêu cầu khoản 4 điều 6 của quyết định 37/2018/QĐ-TTg.

Thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học: đã chủ nhiệm 02 đề tài khoa học công nghệ cấp cơ sở đã nghiệm thu, đạt yêu cầu khoản 5 điều 6 của quyết định 37/2018/QĐ-TTg. Ngoài ra, làm thành viên chính của 02 đề tài cấp Nhà nước thuộc chương trình KC10 đã nghiệm thu, chủ nhiệm 01 đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ y tế đang thực hiện, làm thành viên chính của 01 đề tài khoa học công nghệ cấp Sở KHCN đang thực hiện.

Hướng dẫn học viên cao học và nghiên cứu sinh: Đã hướng dẫn 05 học viên được cấp bằng Thạc sĩ, đạt yêu cầu khoản 6 điều 6 của quyết định 37/2018/QĐ-TTg. Ngoài ra, đang hướng dẫn phụ 01 nghiên cứu sinh.

Các công trình khoa học được tính điểm quy đổi theo quy định tại điều 7 của quyết định 37/2018/QĐ-TTg: đã công bố được 49 bài báo/báo cáo khoa học trên các tạp chí trong nước và quốc tế (danh sách ở mục 7.1.a của bản đăng ký này); đã viết 01 chương sách làm tài liệu phục vụ đào tạo (danh sách ở mục 5); đã được cấp 01 sáng chế trong nước (danh sách ở mục 7.2).

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 10 năm học (liên tục từ năm học 2011-2012 đến năm học 2020-2021)
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2015-2016			01	03	313,0	0	313,0/426/284
2	2016-2017				03	241,8	0	241,8/364,5/300
3	2017-2018				03	242,8	0	242,8/370,2/278
03 năm học cuối								
4	2018-2019			02	03	254,1	21	275,1/482,1/230
5	2019-2020		01	01	03	195,0	0	195,0/358//230
6	2020-2021			01	04	230,5	12	242,5/356,2/230

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Nga

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước: Liên Bang Nga ; Từ năm 2002 đến năm 2007

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: Liên Bang Nga năm 2010.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ 2015 đến 2021	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Dương Thị Thuần		√	√		9/2015-5/2016	Trường ĐH Dược Hà Nội	17/05/2016
2	Trịnh Thị Loan		√	√		9/2018-5/2019	Trường ĐH Dược Hà Nội	30/05/2019
3	Nguyễn Văn Linh		√	√		9/2018 – 5/2019	Trường ĐH Dược Hà Nội	30/05/2019
4	Nguyễn Thế Phương		√	√		9/2019 – 6/2020	Trường ĐH Dược Hà Nội	25/06/2020
5	Phạm Đắc Hữu		√	√		9/2020 – 6/2021	Trường ĐH Dược Hà Nội	11/06/2021
6	Phan Thị Nghĩa	√			√	12/2019- hiện nay	Trường ĐH Dược Hà Nội	

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)

I	Trước khi được công nhận TS						
1							
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Bào chế và sinh dược học 1	Giáo trình	Y học, 2021 (ISBN 978-604-66-47774-3)	5	PGS.TS. Nguyễn Đăng Hòa	Đồng biên soạn từ trang 179 - 251	Trường Đại học Dược Hà Nội

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được cấp bằng TS				
1					
II	Sau khi được cấp bằng TS				
1	Nghiên cứu bào chế hỗn dịch nano acyclovir	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2/2012-10/2013	31/10/2013 Khá
2	Nghiên cứu bào chế phức hợp lipid amphotericin B	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	6/2015 - 3/2016	07/04/2016 Xuất sắc
3	Nghiên cứu bào chế thuốc tiêm liposome doxorubicin và amphotericin B	Thành viên chính	KC.10.14/11-15 Cấp Nhà nước	10/2012 – 09/2015	03/12/2015 Xuất sắc
4	Nghiên cứu bào chế viên nang chứa hệ nano tự nhũ hóa rosuvastatin	Thành viên chính	KC.10.34/16-20 Cấp Nhà nước	06/2018 – 11/2020	28/05/2021 Đạt
5	Nghiên cứu bào chế vi cầu leuprolid acetat đông khô giải phóng kéo dài dùng đường tiêm	Chủ nhiệm	Bộ Y tế	06/2020 – 5/2023	Đang thực hiện
6	Nghiên cứu bào chế viên nang cứng chứa proliposome berberin	Thành viên chính	Sở KHCN Hà Nội	11/2020 – 10/2022	Đang thực hiện

ứng dụng điều trị rối loạn lipid máu				
--------------------------------------	--	--	--	--

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số trích dẫn của bài báo (không tính số lần tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi được cấp bằng Tiến sĩ								
Các bài báo khoa học quốc tế uy tín								
1.	Qualitative and quantitative analysis of a new lyophilized liposomal formulation of photodithazine	5	√	Pharmaceutical chemistry Journal ISSN 0091-150X eISSN 1573-9031	SCIE Scopus Q4 IF 0.538	1	44,6, 337-340	10- 2010
Các bài báo khoa học quốc tế khác								
2.	Chlorin Derivatives in cancer photodynamic therapy	3	√	Russian Journal of Biotherapy (tiếng Nga)	ISSN 1726 - 9784	20	4,8, 99-104	12- 2009
Sau khi được cấp bằng TS								
Các bài báo khoa học quốc tế uy tín								
3.	Comparative studies in vivo of free and liposomal forms of photosensitizer on a base of hydrophilic derivative of chlorin e6	8	√	Journal of Drug Delivery Science and Technology ISSN: 1773-2247 eISSN: 2588-8943	SCIE Scopus Q2 IF 2.734	10	22,4, 291-294	12- 2012
4.	A facile microfluidic method for production of amphotericin B lipid complex	6	√	Pharmaceutical Sciences Asia ISSN: 2586-8195, eISSN: 2586-8470	Scopus Q3		44,4, 200-208	10- 2017

5.	Preparation and characterization of Freeze-dried liposomes loaded with amphotericin B	5	√	Current drug therapy ISSN: 1574-8855 eISSN: 1065-7630	ESCI Scopus Q3	1	14,1, 65-73	03- 2019
6.	Niosomes loaded with diclofenac for transdermal administration: Physico-chemical characterization, ex vivo and in vivo skin permeation studies	4	√	Journal of Applied Pharmaceutical Science ISSN: 2231-3354	Scopus Q2	1	10,12, 53-61	12- 2020
7.	Nanoformulation and Evaluation of Oral Berberine-Loaded Liposomes	10		Molecules ISSN: 1420- 3049	SCIE Q1 IF 3.267		26,9, 1- 18	01- 2021
8.	Preparation and characterization of liposomes double loaded with amphotericin B and amphotericin B/hydroxypropyl-beta-cyclodextrin inclusion complex	3	√	Pharmaceutical Nanotechnology ISSN: 2211-7385 eISSN: 2211-7393	Scopus Q2		9,3, 1-9	03- 2021
9.	Preparation and physicochemical evaluation of hydrogel containing quercetin phytosomes	5		Pharmaceutical Sciences Asia ISSN: 2586-8195, eISSN: 2586-8470	Scopus Q3		48,2, 122-138	04- 2021
Các bài báo khoa học quốc tế khác								
10.	Polymeric Nanoparticles Loaded with Acyclovir: Formulation, Characterization and In-Vitro Drug Prolonged-Release Study	4	√	Current nanomedicine ISSN: 2468-1873 eISSN: 2468-1881	Scopus		10,3, 271-279	09- 2020
Các bài báo khoa học trong nước								
11.	Liposome – hệ vận chuyển thuốc tiên tiến trong công nghệ dược phẩm	1	√	Tạp chí nghiên cứu dược và thông tin thuốc ISSN: 1859-364X			4,4, 146-152	09- 2013
12.	Nghiên cứu bào chế liposome nifedipin bằng	3	√	Tạp chí nghiên cứu dược và thông tin thuốc			6, 2, 42-44	06- 2014

	phương pháp hydrat hóa màng film			ISSN:1859-364X				
13.	Nghiên cứu bào chế liposome amphotericin B bằng phương pháp hydrat hóa film với tá dược distearoyl glycerol	3	√	Tạp chí nghiên cứu dược và thông tin thuốc ISSN:1859-364X			6,3, 21-24	06- 2015
14.	Nghiên cứu bào chế phức hợp lipid Amphotericin B	5	√	Tạp chí dược học ISSN: 0866-7861			56,480, 12-16	12- 2016
15.	Nghiên cứu bào chế liposome indomethacin bằng phương pháp vi dòng chảy	3	√	Tạp chí nghiên cứu dược và thông tin thuốc ISSN:1859-364X	1		7,(4+5), 36-40	12- 2016
16.	Nghiên cứu bào chế niosome natri diclofenac sử dụng tá dược Span 60	2	√	Tạp chí Dược học ISSN 0866-7861			58,501, 78-80	01- 2018
17.	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật vi lưu để bào chế tiểu phân nano liposome trắng	6	√	Tạp chí nghiên cứu dược và thông tin thuốc ISSN:1859-364X			9,4, 16-25	10- 2018
18.	Nghiên cứu bào chế liposome berberin bằng phương pháp tiêm ethanol	4		Tạp chí Dược học ISSN:0866-7861			59,515, 54-58	03- 2019
19.	Nghiên cứu bào chế và đánh giá vi cầu leuprolid acetat giải phóng kéo dài sử dụng poly(lactic co-glycolic) acid làm chất mang	5	√	Tạp chí Dược học ISSN: 0866-7861			59,515, 7-10	03- 2019
20.	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật vi lưu để bào chế tiểu phân nano polymer	6	√	Tạp chí Y học Thành phố Hồ chí Minh ISSN: 1859-1779			23, 2, 695-702	04- 2019
21.	Ứng dụng công nghệ vi dòng chảy trong bào chế một số hệ nano mang thuốc	3	√	VNU Journal of Science: Medical and Pharmaceutical Sciences ISSN 2525-2461; eISSN 2615-9937			35,1,1- 10	06- 2019
22.	Nghiên cứu bào chế và đánh giá chỉ số SPF của kem chứa titan dioxid	4	√	VNU Journal of Science: Medical and Pharmaceutical Sciences			35,1, 1-10	06- 2019

				ISSN: 2525-2461; eISSN: 2615-9937				
23.	Đánh giá khả năng thẩm của vi nhũ tương meloxicam qua da chuột	2		Y học Việt Nam ISSN: 1859 - 1868			485,1+2 ,117	12- 2019
24.	Đánh giá ảnh hưởng mức độ pha loãng đến kết quả xác định kích thước hệ tiểu phân nano polyme và nano liposome bằng phương pháp tán xạ ánh sáng động	5	√	VNU Journal of Science: Medical and Pharmaceutical Sciences ISSN: 2525-2461; eISSN 2615-9937;			35,2, 19-26	12- 2019
25.	Nghiên cứu xây dựng công thức vi nhũ tương methyl salicylate	3	√	VNU Journal of Science: Medical and Pharmaceutical Sciences ISSN 2525-2461; eISSN 2615-9937;			36, 2, 30-38	03- 2020
26.	Nghiên cứu bào chế nano niosome mang rutin và dịch chiết gel lô hội	3	√	VNU Journal of Science: Medical and Pharmaceutical Sciences ISSN 2525-2461; eISSN 2615-9937;	1		36,1, 46-54	03- 2020
27.	Nghiên cứu xây dựng công thức emulgel alpha arbutin 1%. Phần 1: Xây dựng công thức bào chế emugel alpha arbutin 1% Phần 2: Đánh giá một số đặc tính của emugel alpha arbutin 1% ở một số điều kiện bảo quản	4	√	Tạp chí Dược học ISSN 0866-7861 Tạp chí Dược học ISSN 0866-7861			60,526 , 52-55 60,528, 55-57	02- 2020 04- 2020
28.	Nghiên cứu bào chế pellet verapamil hydroclorid giải phóng kéo dài	5		Tạp chí Dược học ISSN 0866-7861			60,528, 29-35	04- 2020
29.	Xây dựng công thức vỏ nang mềm chứa hệ nano tự nhũ hóa rosuvastatin	7		Tạp chí nghiên cứu dược và thông tin thuốc ISSN 1859-364X			11,1+2, 54-60	04- 2020
30.	Bước đầu khảo sát xây dựng quy trình bào chế emugel alpha arbutin 1%	4	√	Tạp chí Dược học ISSN 0866-7861			60,529, 11-15	05- 2020

31.	Nghiên cứu bào chế proliposome berberin bằng phương pháp tráng film trên bề mặt chất mang	5	√	VNU Journal of Science: Medical and Pharmaceutical Sciences ISSN 2525-2461; eISSN 2615-9937;			36,2, 9-15	06- 2020
32.	Nghiên cứu bào chế hệ phân tán rắn nifedipin theo phương pháp phun sấy	5		Tạp chí Dược học ISSN 0866-7861			60,530, 17-21	06- 2020
33.	Nghiên cứu đánh giá một số đặc tính của nano niosome mang rutin và dịch chiết gel lô hội	3	√	Tạp chí Dược học ISSN 0866-7861			60, 530, 84-88	06- 2020
34.	Nghiên cứu bào chế hệ nano tự nhũ hóa rosuvastatin	6		Tạp chí nghiên cứu dược và thông tin thuốc ISSN 1859-364X			11,4, 2-10	08- 2020
35.	Nghiên cứu bào chế liposome-natri deoxycholat berberin bằng phương pháp tiêm ethanol	4	√	Tạp chí nghiên cứu dược và thông tin thuốc ISSN 1859-364X			11,4, 11-18	08- 2020
36.	Nghiên cứu động học phân hủy của leuprolid acetat	5	√	Tạp chí Y dược học ISSN 2734-9209			2, 34-38	09- 2020
37.	Nghiên cứu bào chế hệ tự nano nhũ hóa rosuvastatin rắn	7	√	VNU Journal of Science: Medical and Pharmaceutical Sciences ISSN 2525-2461; eISSN 2615-9937;			36,3, 1-9	09- 2020
38.	Nghiên cứu bào chế viên nén nifedipin giải phóng kéo dài hệ cốt	6		Tạp chí Y dược học ISSN 2734-9209			8, 29-36	11- 2020
39.	Nghiên cứu quy trình bào chế viên nang mềm chứa hệ nano tự nhũ hóa rosuvastatin	7		Tạp chí nghiên cứu dược và thông tin thuốc ISSN 1859-364X			11,6, 23-30	12- 2020
40.	Xây dựng tiêu chuẩn chất lượng và nghiên cứu độ ổn định hệ nano tự nhũ hóa rosuvastatin	3		VNU Journal of Science: Medical and Pharmaceutical Sciences			36,4, 31-40	12- 2020

				ISSN 2525-2461; eISSN 2615-9937;				
41.	Nghiên cứu đánh giá một số đặc tính và khả năng giải phóng dược chất qua da chuột của vi nhũ tương methyl salicylat	2	√	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859 - 1868			67,500, 192-196	03- 2021
42.	Nghiên cứu đánh giá đặc tính của micell hỗn hợp chứa curcumin	2	√	Tạp chí Y dược học ISSN 2734-9209			17, 55-60	03- 2021
43.	Bước đầu nghiên cứu bào chế miếng dán verapamil hydroclorid kết dính niêm mạc miệng	6		Tạp chí nghiên cứu dược và thông tin thuốc ISSN 1859-364X			12,2, 9-17	04- 2021
44.	Nghiên cứu bào chế micell hỗn hợp curcumin	2	√	Tạp chí nghiên cứu dược và thông tin thuốc ISSN 1859-364X			12, 3, 2-9	06- 2021
45.	Nghiên cứu bào chế proliposome berberin bằng phương pháp phun sấy	4	√	VNU Journal of Science: Medical and Pharmaceutical Sciences ISSN 2525-2461; eISSN 2615-9937;			37,2, 1-9	06- 2021
46.	Sản xuất thuốc bằng công nghệ in 3D FDM Phần 1: nguyên lý và quy trình hoạt động Phần 2: cải thiện chất lượng sản phẩm in 3D FDM	4 3		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859 - 1868			67,503, 198-202 67,503, 254-259	06- 2021
Báo cáo khoa học được xuất bản toàn văn ở Hội thảo quốc tế								
47.	Formulation and characterization of liposomal amphotericin B prepared by reverse – phase evaporation	4	√	Proceedings of Indochina 8 conference – Nhà xuất bản Y học ISBN: 978-604-66-47774-3			453-457	12- 2013
48.	Preparation and Characterization of Niosome Encapsulated Curcumin	5		Proceedings of AseanPharmnet 2017			208-214	11- 2017
Báo cáo khoa học được xuất bản toàn văn ở Hội thảo trong nước								

49.	Nghiên cứu bào chế niosome làm hệ mang thuốc nano ứng dụng cho indomethacine	5		Hội nghị Vật lý Chất rắn và Khoa học Vật liệu Toàn quốc – SPMS 2017 ISBN: 978-604-95-0326-9			760-763	10-2017
-----	--	---	--	--	--	--	---------	---------

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 05 bài là các bài số 3, số 4, số 5, số 6, số 8.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1	Hệ nano niosom rutin ứng dụng trong các chế phẩm mỹ phẩm, chế phẩm bảo vệ sức khỏe	Cục sở hữu trí tuệ - Bộ khoa học và công nghệ	20/07/2021	Tác giả chính	02

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 01 bằng sáng chế.

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Thị Hải Yến